

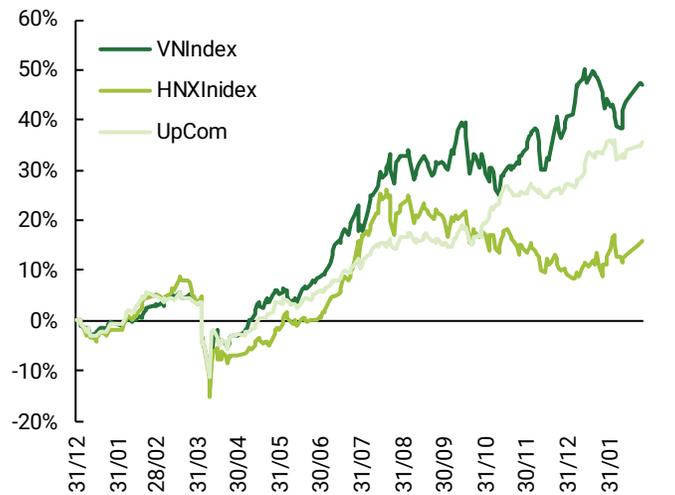
**VN-Index** **1860.91 (-0.36%)**  
1265 Tr. cổ phiếu 38404.3 Tỷ VND (16.99%)

**HNX-Index** **263.23 (0.19%)**  
82 Tr. cổ phiếu 1913.4 Tỷ VND (7.14%)

**UPCOM-Index** **128.72 (0.53%)**  
89 Tr. cổ phiếu 1090.3 Tỷ VND (29.01%)

**VN30F1M** **2046.50 (0.00%)**  
211,342 HD OI: 28,123 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1860.9, giảm -6.7 điểm (-0.36%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 giảm trong khi HNXIndex giữ được sắc xanh.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup cùng với các trụ cột khác như Gelex, Vietjet gây áp lực giảm điểm, trong khi dòng tiền luân chuyển tốt ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Hóa chất: BFC (+6.4%), GVR (+7.0%), DPR (+3.1%) | Ngân hàng: TPB (+3.3%), SHB (+4.2%), STB (+5.2%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (+3.0%), ANV (+3.1%) | Tài nguyên Cơ bản: HPG (+3.5%), VPG (+6.8%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: TCH (-3.9%), QCG (-3.7%), VHM (-3.6%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-5.8%), GEX (-3.9%), PVT (-1.4%) | Du lịch và Giải trí: VJC (-4.3%), VPL (-3.0%) | Công nghệ Thông tin: ELC (-4.2%), FPT (-3.7%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | GVR, HPG, BSR, STB, VNM - Chiều giảm | VIC, VHM, FPT, VJC, VPL

Khối ngoại Bán ròng gần 1000 tỷ đồng, tập trung nhiều FPT, VCB, DGW, trong khi mua ròng: HPG, GVR, BSR.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến giăng co Spinning top dù thanh khoản tăng mạnh, hàm ý lực cung trên vùng cao đang trở lại chi phối. Nhóm trụ lớn gây áp lực lên chỉ số, trong khi dòng tiền hoạt động tốt ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ. Dù vậy, sự dịch chuyển có xu hướng phân hóa và chặt lọc cơ hội cao. Chỉ số cũng đang tiếp cận vùng cản 1880 - 1900 điểm nên việc rung lắc tái tạo đà là phù hợp. Vn-Index có thể cần củng cố thêm nền giá quanh khu vực 1850 - 1860 điểm, với hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 1820 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Doji có bóng trên dài, hàm ý lực cung còn chi phối trong chiều đi lên. Vận động khả năng cần tiếp tục củng cố nền giá quanh khu vực 261 - 264. Mục tiêu kháng cự cao hơn quanh ngưỡng 270.
- **Chiến lược:** Chiều mua mới có thể cân nhắc khi thanh khoản và độ rộng thị trường tiếp tục cải thiện theo hướng lan tỏa. Tuy nhiên, chỉ số sẽ đi lên kèm rung lắc nhằm tái tạo đà, NĐT nên tận dụng tín hiệu điều chỉnh để tham gia sẽ tối ưu hơn. Các nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Phân bón, Tiện ích, Chứng khoán, Khu công nghiệp.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua HAH (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,860.9 ▼	<b>-0.36%</b>	2.0%	<b>-0.5%</b>	38,404.3 ▲	<b>17.0%</b>	89.1%	30.8%	1,264.8 ▲	<b>16.2%</b>	104.9%	42.2%
HNX-Index	263.2 ➡	<b>0.19%</b>	2.4%	4.1%	1,913.4 ▲	<b>7.1%</b>	82.9%	<b>-7.6%</b>	81.8 ▲	<b>4.8%</b>	53.6%	<b>-11.5%</b>
UPCOM-Index	128.7 ➡	<b>0.53%</b>	1.1%	1.3%	1,090.3 ▲	<b>29.0%</b>	69.6%	<b>-33.3%</b>	88.7 ▲	<b>164.6%</b>	103.8%	1.7%
VN30	2,049.6 ▼	<b>-0.1%</b>	1.5%	<b>-1.4%</b>	25,530.0 ▲	<b>33.8%</b>	116.6%	48.6%	648.6 ▲	<b>34.4%</b>	138.1%	67.8%
VNMID	2,293.2 ▼	<b>-0.5%</b>	2.2%	2.0%	10,316.5 ▼	<b>-1.2%</b>	50.1%	23.5%	394.4 ➡	<b>0.7%</b>	49.7%	26.1%
VNSML	1,519.1 ➡	<b>0.11%</b>	1.9%	1.3%	1,577.2 ▼	<b>-9.4%</b>	79.4%	<b>-10.6%</b>	92.8 ▼	<b>-2.7%</b>	57.1%	<b>-13.5%</b>
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	683.2 ➡	<b>0.6%</b>	1.22%	<b>-1.6%</b>	10,212.7 ▲	<b>45.55%</b>	290.7%	64.8%	386.2 ▲	<b>48.0%</b>	293.7%	70.7%
Bất động sản	771.5 ▼	<b>-2.6%</b>	1.6%	<b>-2.5%</b>	3,922.0 ▲	<b>42.0%</b>	268.4%	29.2%	129.6 ▲	<b>21.4%</b>	219.4%	30.0%
Dịch vụ tài chính	339.7 ▼	<b>-1.0%</b>	4.6%	5.0%	3,606.3 ▼	<b>-24.8%</b>	126.5%	52.0%	135.3 ▼	<b>-25.3%</b>	117.9%	44.8%
Công nghiệp	273.4 ▼	<b>-2.4%</b>	4.1%	1.2%	1,659.1 ▼	<b>-20.0%</b>	106.4%	58.3%	44.2 ▼	<b>-12.9%</b>	112.1%	48.5%
Tài nguyên cơ bản	576.0 ▲	<b>3.1%</b>	4.9%	5.5%	4,368.4 ▲	<b>37.7%</b>	404.9%	286.8%	159.9 ▲	<b>30.5%</b>	373.4%	251.6%
Xây dựng - Vật Liệu	192.1 ➡	<b>0.5%</b>	4.0%	8.1%	1,533.3 ▲	<b>3.6%</b>	159.0%	68.5%	64.4 ▲	<b>13.6%</b>	177.3%	55.2%
Thực phẩm	545.4 ➡	<b>0.3%</b>	<b>-2.5%</b>	<b>-13.8%</b>	2,138.2 ▲	<b>30.6%</b>	272.8%	32.2%	43.1 ▲	<b>13.3%</b>	226.9%	22.3%
Bán Lẻ	1,720.7 ➡	<b>0.6%</b>	0.0%	8.9%	1,205.1 ▲	<b>15.3%</b>	194.2%	8.7%	16.1 ▲	<b>11.3%</b>	174.2%	11.8%
Công nghệ	480.0 ▼	<b>-3.3%</b>	<b>-3.5%</b>	<b>-7.9%</b>	4,405.3 ▲	<b>56.1%</b>	335.8%	309.2%	51.4 ▲	<b>59.5%</b>	338.5%	313.0%
Hóa chất	217.4 ▲	<b>4.34%</b>	7.9%	7.8%	1,586.1 ▼	<b>-29.0%</b>	161.1%	93.1%	36.9 ▼	<b>-33.5%</b>	145.2%	71.3%
Tiện ích	918.3 ➡	<b>0.4%</b>	5.7%	7.0%	793.1 ▲	<b>2.7%</b>	260.2%	28.3%	25.6 ▲	<b>43.1%</b>	297.8%	29.2%
Dầu khí	129.5 ▲	<b>2.96%</b>	12.7%	24.9%	1,620.1 ▼	<b>-9.8%</b>	196.3%	47.7%	44.1 ▼	<b>-13.6%</b>	177.5%	31.0%
Dược phẩm	455.0 ▼	<b>-0.3%</b>	0.7%	1.5%	51.0 ▲	<b>9.6%</b>	217.1%	24.2%	1.4 ▼	<b>-5.6%</b>	197.7%	<b>-6.0%</b>
Bảo hiểm	131.0 ▲	<b>1.9%</b>	8.9%	13.5%	121.3 ▲	<b>65.7%</b>	268.4%	42.6%	2.2 ▲	<b>57.3%</b>	215.5%	22.3%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,860.9 ▼	<b>-0.36%</b>	4.3%	16.8x	2.3x
SET-Index	Thái Lan	1,516 ▲	<b>1.72%</b>	20.3%	16.0x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	8,322 ▬	<b>0.50%</b>	<b>-3.8%</b>	20.7x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,824 ▼	<b>-0.22%</b>	4.2%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,620 ▲	<b>1.10%</b>	9.4%	11.1x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,147 ▬	<b>0.72%</b>	4.5%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,766 ▬	<b>0.66%</b>	4.4%	13.5x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	58,583 ▲	<b>2.20%</b>	16.4%	22.6x	2.8x
S&P 500	Mỹ	6,890 ▬	<b>0.77%</b>	<b>0.7%</b>	27.5x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,175 ▬	<b>0.76%</b>	2.3%	25.6x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,786 ▬	<b>0.98%</b>	8.6%	16.3x	2.5x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,159 ▬	<b>0.70%</b>	6.4%	18.6x	2.6x
DXY		97.9 ▬	<b>0.20%</b>	<b>-9.8%</b>		
USDVND		26,118 ▼	<b>-0.27%</b>	2.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

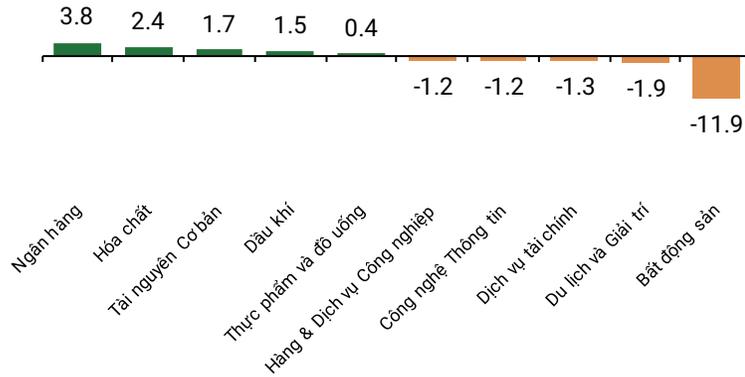
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	<b>0.3%</b>	7.8%	16.7%	<b>-2.8%</b>
Dầu WTI	▬	<b>0.3%</b>	7.7%	14.6%	<b>-4.5%</b>
Khí gas	▬	<b>0.1%</b>	<b>-44.7%</b>	<b>-20.9%</b>	<b>-30.1%</b>
Than cốc (*)	▬	<b>0.0%</b>	3.6%	0.0%	5.9%
Thép HRC (*)	▼	<b>-0.5%</b>	<b>-1.3%</b>	<b>-0.9%</b>	<b>-5.0%</b>
PVC (*)	▼	<b>-0.3%</b>	2.0%	4.7%	<b>-4.1%</b>
Phân Urea (*)	▬	<b>0.0%</b>	14.0%	19.0%	25.3%
Cao su thiên nhiên	▲	<b>5.3%</b>	10.4%	14.1%	1.2%
Bông Cotton	▬	<b>0.0%</b>	<b>-0.4%</b>	<b>-1.1%</b>	<b>-3.6%</b>
Đường	▬	<b>0.9%</b>	<b>-1.0%</b>	<b>-2.9%</b>	<b>-32.1%</b>
World Container Index	▼	<b>-0.7%</b>	<b>-13.3%</b>	<b>-13.3%</b>	<b>-31.3%</b>
Baltic Dirty tanker Index	▲	<b>1.8%</b>	13.3%	39.7%	107.4%
Vàng	▼	<b>-1.0%</b>	3.8%	19.8%	77.5%
Bạc	▲	<b>2.6%</b>	<b>-12.3%</b>	26.3%	185.2%

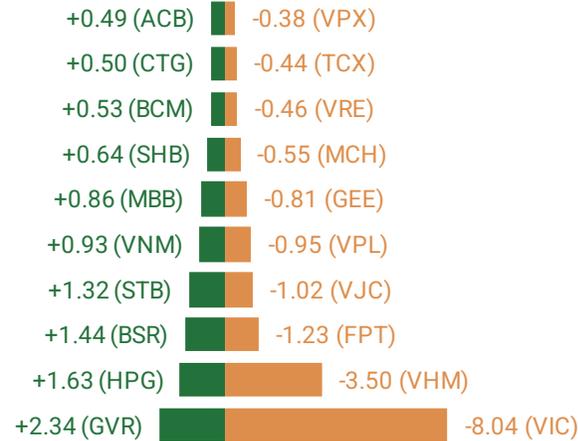
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

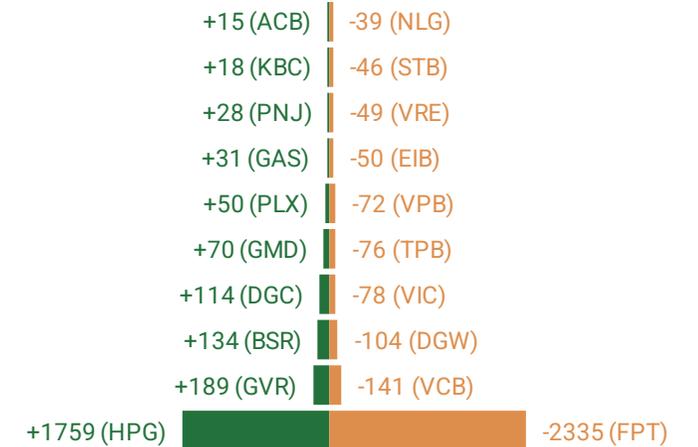
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



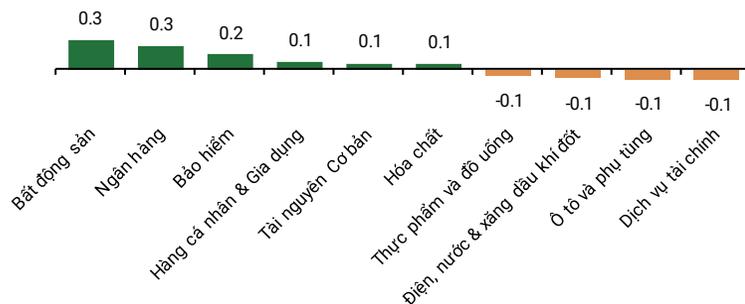
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



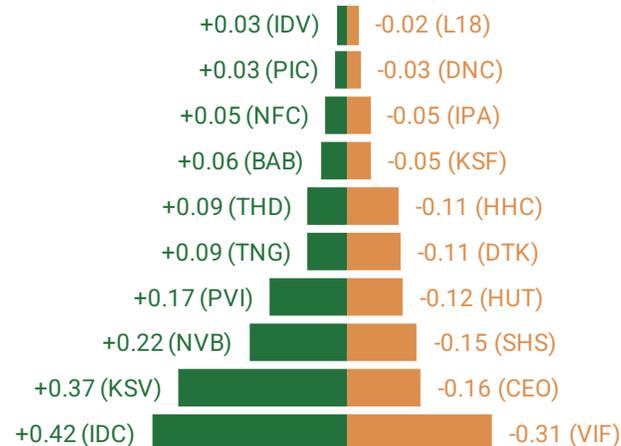
### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



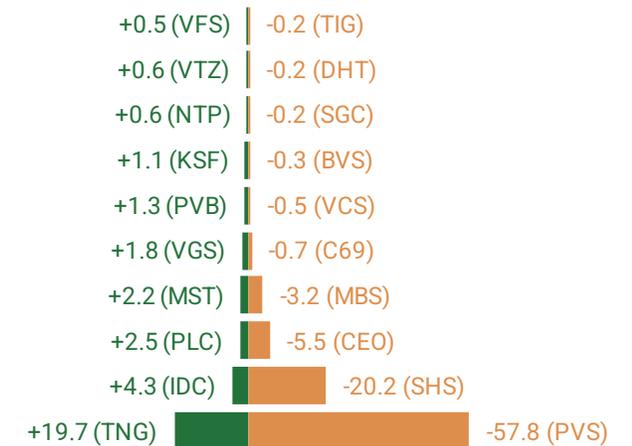
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	FPT	HPG	SHB	SSI	STB
%DoD	-3.7%	3.5%	4.2%	0.2%	5.2%
Giá trị	4,309	3,992	1,681	1,376	1,342

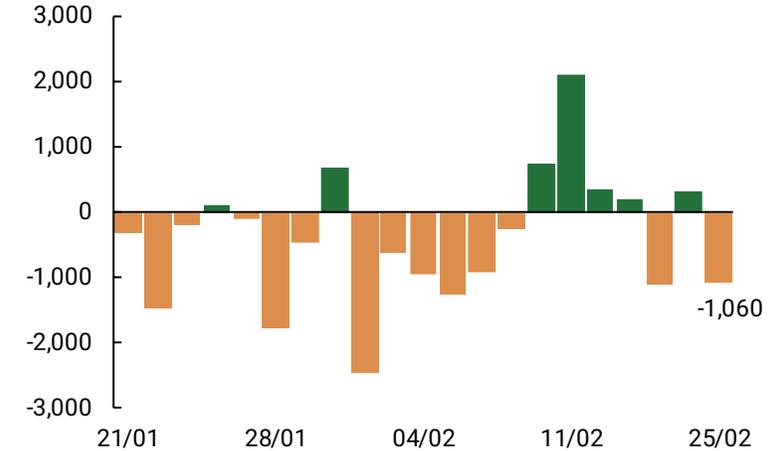
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



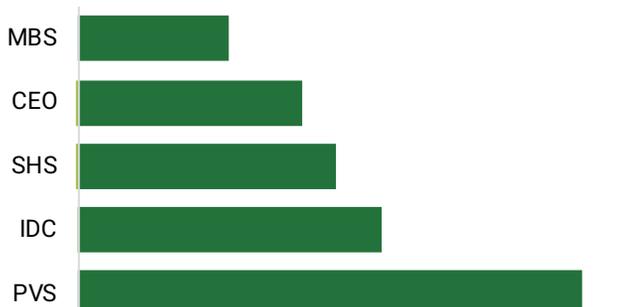
	TCB	MSN	STB	LPB	MSB
%DoD	0.6%	-0.7%	5.2%	-0.7%	0.4%
Giá trị	306	283	231	218	213

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



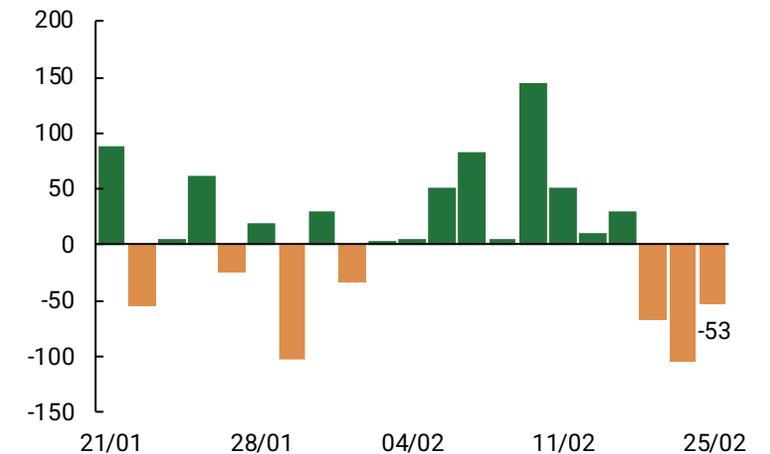
	PVS	IDC	SHS	CEO	MBS
%DoD	0.0%	4.2%	-1.6%	-2.6%	0.0%
Giá trị	460	278	235	205	137

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	DVM	CEO	PVS
%DoD	-1.6%	-1.2%	-3.0%	-2.6%	0.0%
Giá trị	39	12	11	2	1

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Spinning top, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 - 1820.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định lại vùng đỉnh cũ.

**Kịch bản:** Nỗ lực tăng điểm gặp khó khăn hàm ý áp lực chốt lời đang trở lại chi phối. Dù vậy, thanh khoản và độ rộng thị trường vẫn duy trì tốt, cho thấy khả năng điều chỉnh lành mạnh. Chỉ số có thể rung lắc, củng cố thêm nền giá quanh khu vực 1850 – 1860 điểm. Mục tiêu kháng cự hướng tới là kiểm định vùng đỉnh cũ 1880 – 1900 điểm, trong khi hỗ trợ gần hiện là ngưỡng 1820 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1980 - 2000.
- ✓ Kháng cự: 2060 - 2080.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định lại vùng đỉnh cũ.

➔ Áp lực bán gia tăng khi VN30 gần tiếp cận khu vực kháng cự, đồng thời thanh khoản cũng tăng mạnh hàm ý lực cung chủ động hơn. Nhóm vốn hóa lớn đang có dấu hiệu chững lại, và dòng tiền hoạt động tốt hơn ở Mid-Small Cap. Chỉ số khả năng tiếp tục rung lắc, củng cố thêm nền giá quanh khu vực 2030 – 2050 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	<b>HAH</b>	<b>BUY</b>	Current price		<b>62.5</b>	P/E (x)	8.7
Exchange	HOSE		Action price	26/02	<b>61.5 - 62.5</b>	P/B (x)	2.3
Sector	Transportation Services		Target price		<b>70</b>	EPS	7223.2
			Cut loss		<b>57.5</b>	ROE	31.0%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá thoát khỏi hộp tích lũy 56 - 61.
  - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn
- ➔ Xu hướng điều chỉnh đang yếu đi và khả năng quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng tín hiệu hạ nhiệt kiểm định 61 - 62.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HAH	Mua	26/02/2026	62.50	61.5 – 62.5	-	70.0	12.9%	57.5	-7.3%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	80.30	79.4 – 79.9	0.8%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	SAB	Mua	04/02/2026	-	49.20	51.5 – 52	-4.9%	58.0	12.1%	48.0	-7.2%	
3	SSI	Mua	24/02/2026	-	32.15	31.2 – 31.6	2.4%	35.0	11.5%	29.4	-6.4%	
4	DDV	Mua	24/02/2026	-	30.68	29.2 – 29.6	4.3%	33.5	13.9%	27.2	-7.5%	
5	HUT	Mua	25/02/2026	-	16.40	16.3 – 16.6	-0.3%	18.5	12.5%	15.4	-6.4%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại ngưỡng tham chiếu 2046.5 (0.0%). Giá khởi sắc đầu phiên nhưng áp lực điều chỉnh đã chi phối trở lại sau đó khiến nỗ lực bứt phá chưa thành công.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, bên cạnh RSI hạ nhiệt, hàm ý áp lực điều chỉnh đang trở lại chi phối. Dù vậy, xu hướng tăng lớn vẫn chưa vi phạm, tín hiệu có thể nghiêng về hạ nhiệt kỹ thuật. Giá khả năng trở rung lắc, kiểm định thêm khu vực 2040 – 2050. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 2053. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2040.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1924.2, giảm 2.2 điểm (-0.1%). Độ lệch basis -8.5 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 64 HĐ. Hỗ trợ gần hiện quanh khu vực 1915 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1940 điểm.

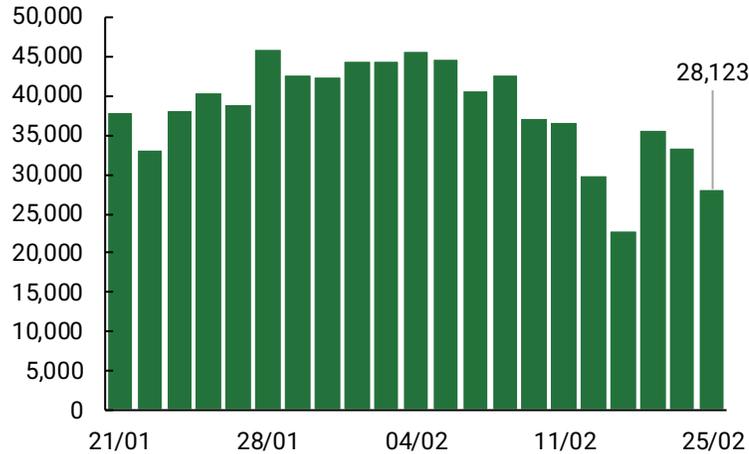
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2053	2065	2045	12 : 08
Short	< 2040	2028	2048	12 : 08

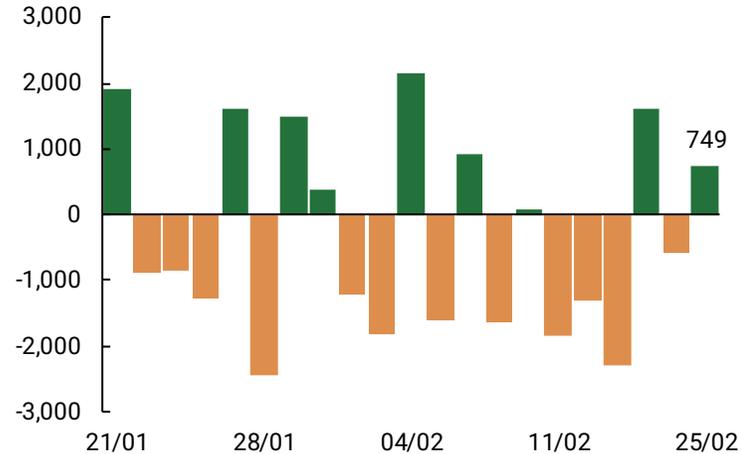
### Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,045.0	5.3	10	196	2,061.1	-16.1	17/09/2026	204
4111G6000	2,047.0	0.0	32	349	2,056.0	-9.0	18/06/2026	113
4111G4000	2,049.4	3.4	340	309	2,052.4	-3.0	16/04/2026	50
4111G3000	2,046.5	0.0	211,342	28,123	2,050.9	-4.4	19/03/2026	22
4112G3000	1,924.2	-2.2	64	53	1,933.9	-9.7	19/03/2026	22

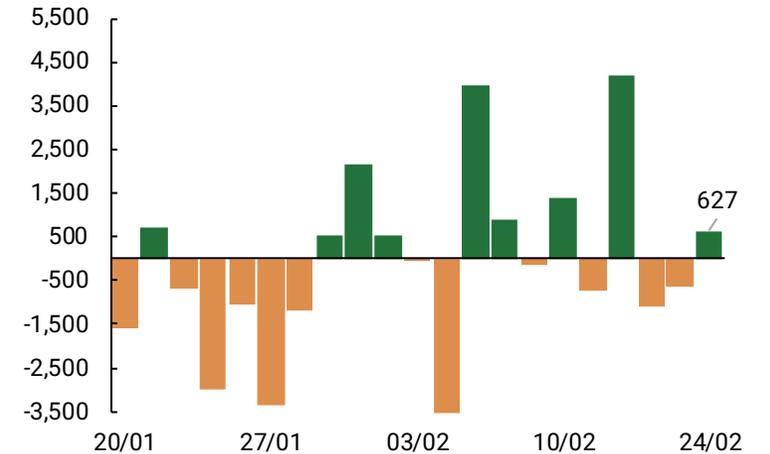
**Khối lượng mở (Open interest)**



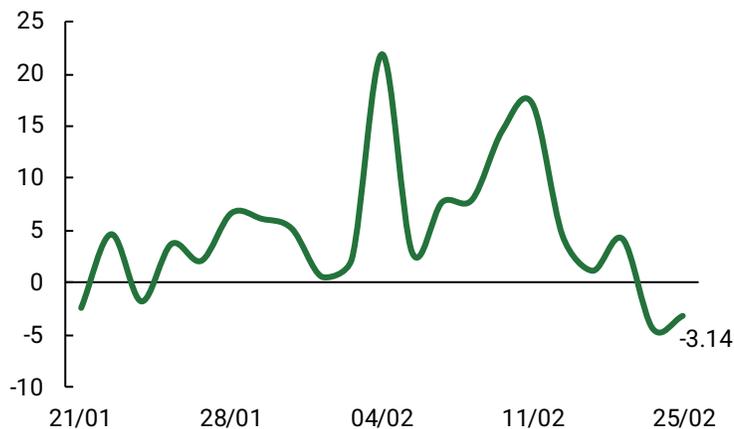
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



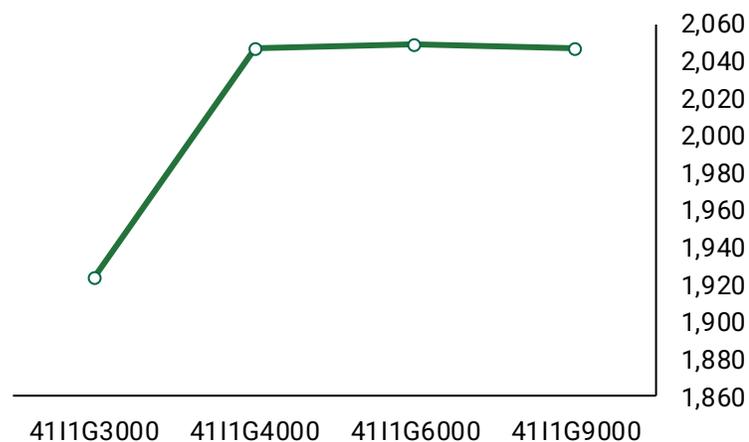
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



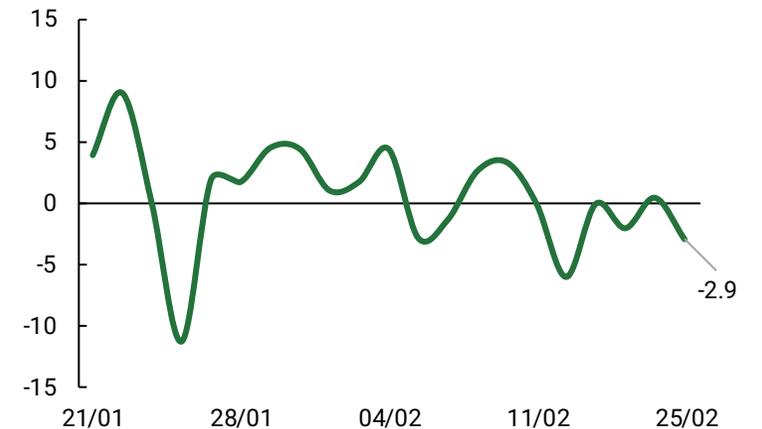
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M - VN30F2M**



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,900	65,400	-13.8%	Bán
BCM	67,000	73,400	9.6%	Năm giữ
CTG	38,500	45,200	17.4%	Tăng tỷ trọng
CTD	86,800	87,050	0.3%	Năm giữ
CTI	24,450	27,200	11.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,900	68,000	26.2%	Mua
DDV	30,678	35,900	17.0%	Tăng tỷ trọng
DGC	76,000	99,300	30.7%	Mua
DGW	52,300	48,300	-7.6%	Giảm tỷ trọng
DPG	46,150	53,100	15.1%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,850	46,500	8.5%	Năm giữ
DRI	13,546	17,200	27.0%	Mua
EVF	12,900	14,400	11.6%	Tăng tỷ trọng
FRT	171,000	157,600	-7.8%	Giảm tỷ trọng
GMD	80,000	77,000	-3.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,500	67,600	8.2%	Năm giữ
HDG	26,900	34,500	28.3%	Mua
HHV	12,600	12,300	-2.4%	Giảm tỷ trọng
HPG	29,300	34,300	17.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	53,900	55,000	2.0%	Năm giữ
KDH	27,950	38,800	38.8%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,000	43,100	10.5%	Tăng tỷ trọng
MWG	93,000	99,600	7.1%	Năm giữ
NLG	28,050	39,900	42.2%	Mua
NT2	27,800	27,700	-0.4%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,700	72,800	14.3%	Tăng tỷ trọng
PNJ	119,500	113,300	-5.2%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,000	39,900	-15.1%	Bán
PVT	21,700	18,900	-12.9%	Bán
SAB	49,200	57,900	17.7%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,150	39,200	21.9%	Mua
TLG	53,800	53,400	-0.7%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,000	35,650	-1.0%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,450	37,900	43.3%	Mua
TRC	78,000	94,800	21.5%	Mua
VCB	65,100	84,200	29.3%	Mua
VPB	28,850	37,000	28.2%	Mua
VCG	19,650	26,200	33.3%	Mua
VHC	62,700	60,000	-4.3%	Giảm tỷ trọng
VNM	72,300	66,650	-7.8%	Giảm tỷ trọng
VSC	24,700	17,900	-27.5%	Bán

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất  
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp  
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)  
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 13/02 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

**Năm 2026 phấn đấu quy mô thị trường chứng khoán đạt ít nhất 100% GDP:** Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng cho biết, Bộ Tài chính cam kết sẽ tiếp tục bám sát, tạo mọi điều kiện, hỗ trợ tối đa để TTCK phát triển ổn định, an toàn, bền vững.

**Xuất khẩu gần 3.5 triệu tấn xi măng, clinker tháng đầu năm 2026:** Trong tháng 1/2026, xuất khẩu xi măng và clinker của Việt Nam đã có bước nhảy vọt với sản lượng đạt 3.42 triệu tấn, trị giá 130 triệu USD, theo số liệu của Cục Thống kê. Mức thực hiện này tăng lần lượt 56.7% và 69.7% so với cùng kỳ. Mặc dù sản lượng xuất khẩu tháng này có sự suy giảm nhẹ so với tháng trước, nhưng nhìn chung, kết quả phản ánh sự chủ động của các doanh nghiệp xi măng trong việc đẩy mạnh xuất khẩu trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

**Trung Quốc và Nhật Bản leo thang căng thẳng thương mại:** Ngày 24/02, Bộ Thương mại Trung Quốc đã công bố hai danh sách các công ty, tổ chức và cơ quan của Nhật Bản mà việc xuất khẩu sang các đơn vị này sẽ phải xin giấy phép đặc biệt của Chính phủ.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**HPG - Bán hàng thép của Hoà Phát cao kỷ lục:** Tập đoàn Hòa Phát cho biết trong ngày làm việc đầu tiên sau Tết (23/2), doanh nghiệp ghi nhận sản lượng bán hàng kỷ lục 25,000 tấn thép xây dựng, thép chất lượng cao, ống thép. Ông Kiều Chí Công - Giám đốc Thép Hòa Phát Hưng Yên cho biết, với nhu cầu xây dựng tăng cao, năm nay sẽ đánh dấu mức tăng trưởng mạnh vượt bậc của ngành thép. Hòa Phát sẽ đẩy mạnh khai thác tối đa công suất các nhà máy.

**CTR - Công ty 11,000 tỷ của Viettel báo tin vui:** Theo báo cáo cập nhật mới nhất, Tổng CTCP Công trình Viettel (Viettel Construction) khởi động năm 2026 với kết quả kinh doanh khả quan. Riêng tháng 1, doanh thu đạt 1,303 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ 2025; lợi nhuận trước thuế đạt gần 64 tỷ đồng, cao hơn 26%. Xét về cơ cấu, doanh thu ngoài Tập đoàn đạt 570 tỷ đồng, tăng 82% so với cùng kỳ, tương đương tăng thêm 252 tỷ đồng. Thị trường trong nước tiếp tục giữ vai trò chủ lực khi đóng góp 87% tổng doanh thu, còn thị trường quốc tế chiếm 13%

**STB - Sacombank sẽ đổi tên thành Ngân hàng Sài Gòn Tài Lộc Việt Nam:** Dữ liệu cập nhật từ Cục Sở hữu trí tuệ, tại đơn đăng ký nhãn hiệu số VN-4-2025-67194, tên gọi thương mại của Sacombank được đề xuất chuyển thành "Ngân hàng Sài Gòn Tài Lộc Việt Nam". Động thái này thu hút sự chú ý trong bối cảnh ngân hàng đang có nhiều điều chỉnh về nhận diện thương hiệu

**ABW - Tập đoàn Geleximco không còn là cổ đông lớn tại Chứng khoán An Bình:** Tập đoàn Geleximco đã bán 41,423,167 cổ phiếu CTCP Chứng khoán An Bình trong tổng đăng ký bán 46,379,517 cổ phiếu, giao dịch được thực hiện từ ngày 15/1 đến ngày 13/2. Sau giao dịch, Tập đoàn Geleximco giảm sở hữu tại ABW từ 45.85% xuống còn 4.9% và không còn là cổ đông lớn tại Chứng khoán An Bình.

**KBC - Kinh Bắc nhận thêm dự án nghìn tỷ, nâng quỹ đất tại Bắc Ninh vượt 1,500ha:** Tổng CTCP Phát triển Đô thị Kinh Bắc vừa được chấp thuận làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội phường Phương Mao (2) thị xã Quế Võ (nay là phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh). Dự án có diện tích đất dự kiến sử dụng khoảng 17,223m<sup>2</sup>, dân số khoảng 3,078 người. Tổng vốn đầu tư dự kiến hơn 1,400 tỷ đồng.

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415